

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004-8 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Ngọc	Duyên	3471010072	17/07/1992	5,00	1,00	2,20	
2	Lê Kim Thành	Tú	3471010384	22/02/1992	,00	,00	,00	CT
3	Nguyễn Văn	Chung	3475010026	08/03/1992	9,00	8,30	8,50	
4	Nguyễn Minh	Lợi	3475010139	28/10/1991	7,00	9,00	8,40	
5	Ngô Thanh	Phúc	3475010197	12/03/1991	10,00	6,50	7,60	
6	Lê Văn	Thân	3475050028	05/05/1988	,00	,00	,00	Nợ HPC
7	Nguyễn Văn	Phồn	3571010003	10/04/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
8	Trần Mạnh	Thắng	3571010789	08/12/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
9	LUU QUANG	CHÍNH	3571011831	30/09/1982	,00	,00	,00	Nợ HPC
10	Trần Hồng	Quân	3574011431	10/09/1991	6,50	5,80	6,00	
11	Trịnh Đình	Thương	3574011708	03/02/1992	7,50	6,80	7,00	
12	Nguyễn Thành	Luật	3575010113	04/06/1993	6,50	7,50	7,20	
13	Lê Chí	Bảo	3575010139	29/12/1993	8,00	7,50	7,70	
14	Nguyễn Duy	Khánh	3575010701	20/03/1993	6,50	7,80	7,40	
15	Đoàn Thanh	Bính	3575010841	08/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
16	Quang Ngọc	Kim	3575010856	24/11/1993	7,50	8,30	8,10	
17	Ung Văn	Nam	3575011291	01/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
18	Nguyễn Minh	Luyến	3575011331	15/05/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
19	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994	8,50	6,50	7,10	Nợ HP
20	Phạm Lê Trung	Hiếu	3671030134	06/09/1993	5,50	8,00	7,30	
21	Ngô Đình	Hưng	3671030175	02/01/1992	10,00	5,30	6,70	
22	Nguyễn Danh	Tài	3671030222	06/06/1994	9,00	8,50	8,70	
23	Tăng Thanh	Hùng	3671030258	10/05/1992	10,00	6,30	7,40	
24	Huỳnh Đông	Khoa	3671030279	10/02/1993	9,50	8,00	8,50	
25	Nguyễn Quốc	Trung	3671030303	27/09/1994	10,00	7,30	8,10	
26	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994	8,00	8,30	8,20	
27	Dương Thế	Huynh	3671030324	08/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
28	Hồ Tuấn	Anh	3671030355	26/09/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
29	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
30	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	,00	,00	,00	CT
31	Ngô Minh	Nhân	3671030385	24/08/1994	10,00	8,50	9,00	
32	Phạm Văn	Linh	3671030449	12/09/1994	10,00	7,00	7,90	
33	Võ Văn	Cương	3671030472	30/03/1994	,00	,00	,00	CT
34	Võ Văn	Vương	3671030478	15/12/1994	10,00	6,30	7,40	
35	Nguyễn Hoài	Son	3671030485	18/01/1994	10,00	5,80	7,10	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phan Quang	Khoa	3671030496	07/06/1992	7,50	9,00	8,60	
37	Lê Văn	Trãi	3671030510	23/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
38	Nguyễn Ngọc	Minh	3671030523	01/06/1993	7,50	7,30	7,40	
39	Nguyễn Ngọc	Hoà	3671030525	28/01/1992	6,00	7,50	7,10	
40	Ngô Sỹ	Hà	3671030605	27/12/1994	9,00	9,00	9,00	
41	Nguyễn Văn	Toàn	3671030677	06/02/1994	10,00	8,50	9,00	
42	Nguyễn Văn	Cầu	3671030781	11/06/1994	8,50	7,50	7,80	
43	Lê Xuân	Hiếu	3671030786	09/02/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
44	Nguyễn Ngọc	Tài	3671030789	19/07/1994	6,50	7,80	7,40	
45	Lê Hữu	Toàn	3671030859	12/10/1994	4,00	6,30	5,60	
46	Trần Văn	Thịnh	3671030870	25/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
47	Nguyễn Trọng	Vấn	3671031300	10/09/1994	5,00	7,50	6,80	
48	Nguyễn Đức	Trọng	3671031466	17/10/1993	10,00	8,00	8,60	
49	Bùi Văn	Quang	3671031471	06/10/1993	7,00	6,50	6,70	
50	Điệp Văn	Duy	3671031489	05/10/1993	8,50	7,00	7,50	
51	Trần Bình	Tâm	3671031492	02/09/1993	,00	,00	,00	CT
52	Nguyễn Viết	Sơn	3671031495	26/06/1993	5,00			
53	Nguyễn Văn	Hải	3671031514	02/06/1994	7,50	8,80	8,40	
54	Nguyễn Văn	Hoàng	3671032049	18/05/1994	10,00	9,00	9,30	
55	Lưu Đức	Toàn	3671040005	22/11/1994	6,50	6,00	6,20	
56	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994	7,00	6,30	6,50	
57	Nguyễn Tấn	Tinh	3671040197	19/03/1994	7,00	7,30	7,20	
58	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
59	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	,00	,00	,00	CT
60	Vũ Ngọc	Đức	3671040274	04/03/1993	6,00	7,00	6,70	
61	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	7,50	9,80	9,10	
62	Trần	Tiến	3671040329	23/04/1994	8,00	8,50	8,40	
63	Phùng Văn	Sang	3671040350	25/04/1994	8,00	7,30	7,50	
64	Nguyễn Đức	Trọng	3671040434	07/04/1994	10,00	8,00	8,60	
65	Hồ Công	Tuấn	3671040457	13/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
66	Phạm Minh Hồng	Đại	3671040574	05/09/1994	7,00	5,30	5,80	
67	Biền Văn	Lượng	3671040628	30/10/1994	,00	,00	,00	CT
68	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994	8,00	8,00	8,00	
69	Nguyễn Xuân	Diệu	3671040965	20/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
70	Nguyễn Văn	Khoa	3671041080	12/12/1994	7,00	7,80	7,60	
71	Nguyễn Khánh	Duy	3671041140	13/04/1994	7,00	8,00	7,70	
72	Đồng Anh	Khoa	3671041170	09/03/1992	9,50	6,00	7,10	
73	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	,00	,00	,00	CT
74	Nguyễn Hồng	Toàn	3671041208	26/11/1992	8,50	8,00	8,20	
75	Lương Anh	Tiến	3671041621	02/04/1994	10,00	7,50	8,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Hoàng	Tú	3671041635	12/02/1994	7,50	5,80	6,30	
77	Võ Văn	Vinh	3671041893	08/03/1993	8,50	7,00	7,50	
78	Lê Hoàng	Được	3671041950	25/03/1994	9,00	7,30	7,80	
79	Trần Xuân	Dưỡng	3671042018	08/02/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
80	Võ Trung	Nhân	3671050044	12/09/1994	8,00	7,50	7,70	
81	Bùi Minh	Tài	3671050077	16/04/1994	9,00	6,50	7,30	
82	Huỳnh Tấn	Đạt	3671051848	11/10/1994	7,50	7,30	7,40	
83	Lê Danh	Hiền	3671051918	22/10/1994	8,00	7,30	7,50	Nợ HP
84	Trần Nhật	Tuấn	3671051938	04/12/1993	8,50	7,00	7,50	
85	Võ Văn	Thắng	3671051960	20/11/1993	6,00	6,80	6,60	Nợ HP
86	Phạm Văn	Tin	3672050010	17/10/1994	8,00	6,80	7,20	
87	Lê Văn	Quốc	3672050317	31/12/1994	7,50	8,30	8,10	
88	Huỳnh Trọng	Thắng	3672050433	24/08/1994	8,00	6,80	7,20	
89	Phạm Ngọc	Vũ	3672050460	09/01/1994	9,50	7,50	8,10	
90	Nguyễn Đình	Duy	3672050548	01/01/1993	5,00	6,30	5,90	
91	Vũ Ngọc	Duy	3672050724	12/01/1994	,00	,00	,00	CT
92	Trần Bá	Thịnh	3672050962	09/03/1994	7,00	8,00	7,70	
93	Lê Quốc	Khải	3672051097	01/09/1994	7,00	6,80	6,90	
94	Huỳnh Đại	Nhân	3672051238	08/04/1994	7,50	6,50	6,80	
95	Huỳnh Nguyễn Trọng	Toàn	3672051303	21/01/1994	6,50	7,50	7,20	
96	Huỳnh Tấn	Phát	3672051491	15/08/1993	7,50			
97	Lê Đặng Hoài	Phương	3672051600	16/08/1994	5,00	7,30	6,60	
98	Nguyễn Hoàng	Sơn	3672051607	16/08/1994	10,00	7,50	8,30	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)